|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TÂN HỒNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HUỆ** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 196/KH-THNH | *Tân Hồng, ngày 07 tháng 9 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**NĂM HỌC 2023 - 2024**

 **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Hướng dẫn số 1234/HD-PGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Hồng về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2023 -2024 đối với các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, TH-THCS và THCS;

Căn cứ Hướng dẫn số 1254/HD-PGDĐT, ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Hồng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 – 2024;

Căn cứ kết quả đạt được năm học 2022-2023 và tình hình thực tiễn của đơn vị, đặc thù văn hóa, giáo dục của địa phương,

Trường Tiểu học Nguyễn Huệ xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

**I. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023 – 2024**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

**- Thời cơ:**

Trường Tiểu học Nguyễn Huệ nằm trên địa bàn Thị trấn, đây là trung tâm văn hóa, chính trị của địa phương nên nhà trường luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Thị trấn, các tổ chức chính trị xã hội, sự đồng thuận, tin tưởng của đại đa số phụ huynh học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình hỗ trợ, tạo mọi điều kiện cho nhà trường, cho giáo viên trong quá trình giảng dạy và giáo dục học sinh, thường xuyên quan tâm, nhắc nhở con em nỗ lực rèn luyện phẩm chất đạo đức và tích cực tham gia các hoạt động học tập, hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức.

Trường luôn nhận được sự hỗ trợ kịp thời của mạnh thường quân để tiếp sức cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến trường, 100% học sinh khó khăn đều được hỗ trợ trang phục, đồ dùng học tập, sách giáo khoa,.... phần nào giảm bớt khó khăn cho gia đình và giúp các em yên tâm trong học tập và rèn luyện. Điều này góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh và huy động học sinh ra lớp đầu năm học.

Chương trình GDPT mới được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp học sinh phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, trở thành người học tập tích cực, tự tin, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hóa, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước. Đây là cơ hội để nhà trường chủ động, linh hoạt tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục phù hợp với nhu cầu của người học và điều kiện thực tiễn của địa phương.

 Địa bàn dân cư khá ổn định, nghề nghiệp chủ yếu của người dân là buôn bán, trồng trọt và chăn nuôi, đời sống tương đối ổn định, trình độ dân trí đang được nâng dần; Thị trấn Sa Rài đang trong lộ trình phấn đấu trở thành đô thị loại 4.

Năm học 2023 – 2024 tiếp tục kế thừa những thành quả đạt được của năm học trước, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh; sự chỉ đạo kịp thời của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

 Trường tuyển sinh học sinh trên địa bàn Khóm 3, Thị trấn Sa Rài nên đa số các em thuộc diện có hoàn cảnh kinh tế ổn định. Quan tâm đến việc học tập của học sinh.

Niềm tin của phụ huynh với nhà trường ngày càng được củng cố thể hiện qua việc ngày càng nhiều con em ở trường bạn mong muốn được chuyển vào học tại nhà trường, phụ huynh đến dự các cuộc họp do trường tổ chức ngày đầy đủ hơn.

**- Thách thức:**

Những thuận lợi về vị trí địa lí, điều kiện kinh tế của địa phương, sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội và mạnh thường quân đã tạo cơ hội để nhà trường thực hiện tốt các chỉ tiêu giáo dục trong từng năm học. Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức luôn yêu cầu nhà trường phải nỗ lực phấn đấu, xây dựng đơn vị có chất lượng giảng dạy ổn định, phát triển, là địa chỉ đáng tin cậy của các bậc phụ huynh và học sinh trong địa bàn, trở thành trung tâm văn hóa tiêu biểu của địa phương. Các phòng học từng bước được trang bị ti vi thông minh đã đòi hỏi mỗi giáo viên phải tự học, tự nghiên cứu về công nghệ thông tin để khai thác, sử dụng hợp lí vào các hoạt động dạy học, tương tác giữa thầy và trò thật sự hiệu quả, tránh lãng phí.

Hậu dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng ít nhiều đến việc thực hiện chương trình GDPT 2018 và các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường trong năm học 2023 - 2024.

 Một số phụ huynh tập trung lo cho việc làm ăn nên ít quan tâm việc học tập của học sinh.

 Trường nằm trên địa bàn thị trấn (Trên tuyến lộ lớn) nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023 – 2024**

 **- Thuận lợi:**

Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm cao trong hoạt động giáo dục của nhà trường; tất cả giáo viên dạy lớp được tập huấn về chuyên môn. Tập thể sư phạm nhà trường đoàn kết, tương thân tương ái, người đi trước luôn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ giáo viên mới, trẻ để cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ được lãnh đạo nhà trường phân công.

Chủ động xây dựngkế hoạch giảng dạy theo hướng mở, linh hoạt; giáo viên được chủ động giảng dạy, đảm bảo phân bố hợp lí giữa các nội dung giáo dục; Thời khóa biểu sắp xếp khoa học, phù hợp thực tế trường, đúng theo hướng dẫn của cấp trên. Ngoài việc tổ chức thực hiện giảng dạy môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, giáo viên chủ nhiệm đã phối hợp với Tổng phụ trách đội tổ chức hoạt động trải nghiệm để củng cố kiến thức, kĩ năng thực hành cho học sinh

Cán bộ quản lí, giáo viên được tham gia tập huấn đầy đủ về CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Trường từng bước đầu tư trang bị ti vi để giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Năm học 2022 – 2023, nhà trường đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ năm học, hoàn thành tất cả các chỉ tiêu đề ra, chất lượng giáo dục cao hơn so với mặt bằng chung của huyện, các phong trào hội thi đạt giải cao. Trường công nhận tập thể xuất sắc và đề nghị tặng bằng khen của UBND tỉnh.

 **- Khó khăn:**

Chất lượng giáo dục có sự chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa thật sự bền vững vẫn còn học sinh 02 học sinh lớp Một chưa hoàn thành chương trình lớp học.

Trường đang xây dựng nên chỉ tổ chức dạy 2 buổi/ngày cho Khối 1 (03 lớp), các khối còn lại chỉ dạy 1 buổi/ngày đều này ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục cũng như tổ chức các hoạt động tập thể.

Một vài GV lớn tuổi nên việc tiếp cận CNTT, đổi mới phương pháp dạy học, chưa linh hoạt chủ động trong giảng dạy và giáo dục; ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

***2.1. Đặc điểm học sinh của trường***

a) Số liệu

- Năm học 2023-2024 nhà trường có tất cả 15 lớp cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Số****lớp** | **Học sinh** | **Tỉ lệ HS/lớp** | **Số HS khuyết tật** | **Hộ nghèo,****cận nghèo; GĐ chính sách** | **HS học 2 buổi/****ngày** | **HS bán trú** |
| **Tổng số** | **Nữ** |
| Một | 3 | 99 | 37 | 33 |  |  | 99 |  |
| Hai | 3 | 107 | 48 | 35,66 |  |  |  |  |
| Ba | 3 | 85 | 30 | 28,33 |  |  |  |  |
| Bốn | 3 | 100 | 45 | 33,33 |  1 |  |  |  |
| Năm | 3 | 91 | 32 | 30,33 |  |  |  |  |
| **Cộng** | **15** | **482** | **202** | **32,06** | **1** |  | **99** |  |

- Số HS chia theo độ tuổi:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Độ tuổi** | **Khối 1** | **Khối 2** | **Khối 3** | **Khối 4** | **Khối 5** |
| 6 tuổi | 94 |  |  |  |  |
| 7 tuổi | 3 | 100 |  |  |  |
| 8 tuổi | 1 | 4 | 79 |  |  |
| 9 tuổi | 1 | 3 | 5 | 89 |  |
| 10 tuổi |  |  |  | 8 | 79 |
| 11 tuổi |  |  | 1 | 1 | 10 |
| 12 tuổi |  |  |  | 1 | 1 |
| 13 tuổi |  |  |  | 1 | 1 |
| Trên 13 |  |  |  |  |  |

- Số HS có hoàn cảnh khó khăn: 06 HS; Hộ nghèo và cận nghèo: 47; Gia đình chính sách: 00.

- Số HSkhuyết tật: 01 HS.

b) Nhận xét

Tổng số học sinh toàn trường là 482 em, trong đó có 202 học sinh nữ chiếm tỉ lệ 41,90 %, so với năm học trước số học sinh tăng 05 em). Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi chiếm 443/482 em chiếm tỉ lệ 91,90%.

100% học sinh của trường được học 2 buổi/ ngày.

Có 01 học sinh khuyết tật học hoà nhập tại trường.

Học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn của trường: có 43 học sinh.

Đa số học sinh rất tích cực tham gia các hoạt động cũng như học tập, phần lớn các em đều rất chăm ngoan, vâng lời ông bà cha mẹ và thầy cô. Phần đông các em đều được cha mẹ rất quan tâm và thăm hỏi việc học tập hàng ngày.

Trường luôn quan tâm về phong trào ứng dụng CNTT trong dạy và học, trong công tác quản lý. Đây là nền tảng để Trường Tiểu học Nguyễn Huệ tiếp tục bồi dưỡng học sinh có kĩ năng sống và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác giáo dục, phòng tránh tai nạn, thương tích, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh cả về thể chất và tinh thần. Kết quả các hội thi của học sinh cấp Tỉnh, cấp Huyện điều đạt giải cao.

- Kết quả năm học 2022-2023:

+ Học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,6%.

+ 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 104/104 học sinh.

+ 202 học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Số học sinh/lớp đảm bảo cho việc giáo viên đổi mới phương pháp dạy học và dạy cá thể hoá đến từng học sinh.

***2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên (GV), nhân viên (NV), cán bộ quản lý (CBQL)***

a) Số liệu

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại CB-GV | TS | Thạc sỹ | Đại học | Cao đẳng | Trung học | Chưa chuẩn |
| SL | TL | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL |
| 1 | CBQL | 2 |  |  | 2 | 100 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | GVCN | 15 |  |  | 14 | 93,33 |  |  | 1 | 6,67 |  |  |
| 3 | GVBM | 6 |  |  | 6 | 100 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | TPT | 1 |  |  | 1 | 100 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | NV | 3 |  |  | 2 | 66.67 | 1 | 33,33 |  |  |  |  |
| **Cộng:** | **27** |  |  | **25** | **92,6** | **1** | **3,7** | **1** | **3,7** |  |  |

b) Nhận xét

Tỉ lệ giáo viên/lớp: 21/15 (1,4 GV/lớp).

Tổng số cán bộ quản lý của trường gồm 2 người đều có trình độ Đại học và Trung cấp chính trị, đã qua Bồi dưỡng cán bộ quản lý (01 ĐHQLGD, 01 chứng chỉ quản lý). Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có kinh nghiệm, có năng lực tốt, linh hoạt, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm trong công việc. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

Tổng số giáo viên của trường là 21 giáo viên, có 20/21 giáo viên (chiếm tỉ lệ 95,23%) đạt trình độ Đại học, còn 01 giáo viên có trình độ THSP (tỉ lệ 4,77%) đang trong lộ trình nghỉ hưu (tháng 10/2023); Có 6/21 giáo viên đạt GV giỏi cấp tỉnh (tỉ lệ 28,57%); 19/21 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện (tỉ lệ 90,47%); Trường có đầy đủ các giáo viên chuyên được đào tạo chính quy để giảng dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất, Tin học, Công nghệ thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học một cách chủ động và hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ, có năng lực giảng dạy giàu kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chất lượng đội ngũ giáo viên của nhà trường ngày một nâng cao, năm học 2022 – 2023 trường có 100% cán bộ giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nội quy, quy định của trường, của ngành, không có cán bộ giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường gồm: (01 Y tế học đường kiêm nhiệm thủ quỹ; 01 Thư viện kiêm nhiệm thiết bị, 01 Bảo vệ); 01 Kế toán, văn thư. Tất cả nhân viên đều đảm bảo về trình độ đào tạo, tích cực trong công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

 Số lượng đảng viên là 22 đ/c đạt tỷ lệ 81,47%.

***2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú***

a) Số liệu

- Cơ sở vật chất

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm trường** | **Số phòng** | **Số lớp** | **Số HS** | **Số lớp 2 buổi/ngày** | **Số lớp bán trú** |
| **P. học** | **P. chức năng** | **Lớp đơn** | **Lớp ghép** |
| 1 | Điểm chính | 9 | 3 | 15 | 0 | 482 | 03 |  |

- Thiết bị dạy học

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị dạy học (môn/khối lớp)** | **SL hiện có** | **Đủ** | **Thiếu** | **Ghi chú** |
| 1 | Khối lớp 1 | 5 bộ |  x |  |  |
| 2 | Khối lớp 2 | 5 bộ |  x |  |  |
| 3 | Khối lớp 3 | 2 |  x |  |  |
| 4 | Khối lớp 4 | 2 | x |  |  |
| 5 | Khối lớp 5 | 2 |  | x | Do đã hư hỏng |
| 6 | Ti vi màn hình lớn | 7 |  | x | Thiếu 8 chiếc |
| 7 | Phòng máy tính dạy Tin học | 16 bộ |  | x | Do đã hư hỏng |
| 8 | Máy chiếu | 02 |  | x | Chưa đáp ứng nhu cầu GV |
| 9 | Phòng học Anh văn | 1 | X |  |  |
| 10 | Bảng tương tác thông minh | 1 | x |  |  |

b) Nhận xét

Số thiết bị của nhà trường cơ bản đủ cho mỗi lớp, có 1 bộ thiết bị dùng chung, tuy nhiên các bộ đồ dùng, thiết bị dạy học ở các khối lớp 5 qua nhiều năm sử dụng cũng bị hư hỏng, hao mòn cần phải sửa chữa, bổ sung thêm. Chưa trang bị được ti vi màn hình lớn cho các lớp khối 3, 4, 5.

Tất cả giáo viên đều khai thác, sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học sẵn có và quan tâm tự làm các thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy.

Trường có phòng thiết bị, thư viện, cơ bản được trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc; Thư viện trường đã đạt chuẩn quốc gia, có đủ số lượng sách, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu dạy và học; có phòng đọc dành cho giáo viên và học sinh.

Số phòng chức năng của đơn vị chưa đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học, hiện đơn vị chỉ có 01 phòng học Tiếng Anh, 01 phòng dạy học Tin học với 16 bộ máy tính,... hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy. Tuy nhiên Trường đang trong giai đoạn xây dựng mới chưa có phòng giảng dạy Mĩ thuật, chưa có bãi tập, nhà đa năng,…

***2.4. Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng tại đơn vị***

\* Sách giáo khoa lớp lớp 1, 2, 3, 4 theo Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Tỉnh về việc ban hành danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 sử dụng tại các CSGD phổ thông kể từ năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

a) Đối với lớp 1, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 1 gồm: Bộ Chân trời sáng tạo cụ thể: Tiếng Việt 1-Tập 1, Tiếng Việt 1-Tập 2, Toán 1-Tập 1, Toán 1-Tập 2, Đạo đức 1, Tự nhiên và Xã hội 1, Giáo dục thể chất 1, Nghệ thuật (Âm nhạc 1, Mĩ thuật 1) và Hoạt động trải nghiệm 1; Tiếng Anh 1 (Famlily and Friends National Edition).

b) Đối với lớp 2, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 2 – Bộ Chân trời sáng tạo, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành, cụ thể: Tiếng Việt 2-Tập 1, Tiếng Việt 2-Tập 2, Toán 2-Tập 1, Toán 2-Tập 2, Đạo đức 2, Tự nhiên và Xã hội 2, Giáo dục thể chất 2, Nghệ thuật (Âm nhạc 2, Mĩ thuật 2) và Hoạt động trải nghiệm 2; Tiếng Anh 2 (Famlily and Friends National Edition).

c) Đối với lớp 3, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 3 gồm: Bộ Chân trời sáng tạo cụ thể: Tiếng Việt 3-Tập 1, Tiếng Việt 3-Tập 2, Toán 3-Tập 1, Toán 3-Tập 2, Đạo đức 3, Nghệ thuật (Âm nhạc 3, Mĩ thuật 3), Tự nhiên và Xã hội 3, Giáo dục thể chất 3, Hoạt động trải nghiệm 3; Tin học 3 (NXB ĐHSP TP HCM), Công nghệ 3, Tiếng Anh 3 (Famlily and Friends National Edition).

d) Đối với lớp 4 sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 4 gồm: Bộ Chân trời sáng tạo cụ thể: Tiếng Việt 4-Tập 1, Tiếng Việt 4-Tập 2, Toán 4-Tập 1, Toán 4-Tập 2, Đạo đức 4, Khoa học 4, Lịch sử và Địa lí 4, Giáo dục thể chất 4, Nghệ thuật (Âm nhạc 4, Mĩ Thuật 4), Hoạt động trải nghiệm 3; Tin học 4 (NXB ĐHSP TP HCM), Công nghệ 4, Tiếng Anh 4 (Famlily and Friends National Edition).

- Lớp 5: Tiếng Việt 5-Tập 1, Tiếng Việt 5-Tập 2, Toán 5, Đạo đức 5, Khoa học 5, Lịch sử và Địa lí 5, Âm nhạc 5, Mĩ Thuật 5, Kĩ thuật 5, Tin học 5 (NXB ĐHSP TP HCM), Tiếng Anh 5 (Famlily and Friends Special Editional).

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024**

**1. Mục tiêu chung**

 Năm học 2023 – 2024, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục với chủ đề năm học là ***“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”****.*

1.1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt để thực hiện kế hoạch năm học, thực hiện chuyển đổi số trong quản lí, giảng dạy và giáo dục học sinh.

1.2. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3 và lớp 4 thật sự chất lượng và hiệu quả; chuẩn bị đội ngũ nhà giáo để thực hiện chương trình đối với lớp 5 từ năm học 2023 – 2024. Tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006) đối với lớp 5.

Tổ chức dạy học theo hướng tiếp cận CTGDPT 2018 theo công văn số Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018 và Công văn 3799/BGDĐT-GDTH ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

1.3. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lí và nâng cao đạo đức nhà giáo; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo; nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo cho đội ngũ nhà giáo.

Thực hiện quản lí, đánh giá chuẩn nghề nghiệp đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Thông tư số14/2018/ TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo. Đánh giá, xếp loại viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính ph

1.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lí (CBQL), thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để có đủ GV, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học. 100% giáo viên dạy học lớp 5 được bồi dưỡng các nội dung theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 5 cho năm học 2024 - 2025.

1.5. Rà soát, tham mưu đề xuất bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy
học, lớp học phù hợp, thuận lợi và đáp ứng nhu cầu người học, tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quản lí, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng sĩ số học sinh vượt quá qui định; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo qui định của Luật Giáo dục 2019.

1.6. Chú trọng đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học, chuyển từ *“quản lí”* sang *“quản trị”* theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

1.7. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc đẩy mạnh thực hiện các nội dung của Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trong lĩnh vực giáo dục vào đào tạo; Kế hoạch phát triển giáo dục đến năm 2025; tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương; tiếp cận nội dung giáo dục STEM; thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ năm học.

1.8. Tăng cường an ninh, an toàn trường học; tích cực phòng, chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; phối hợp 03 môi trường giáo dục đảm bảo học sinh được học tập, rèn luyện trong môi trường an toàn, lành mạnh và thân thiện.

1.9. Thực hiện hiệu quả việc triển khai, tích hợp các chương trình, dự án đã tập huấn; trường học xanh, an toàn, thông minh, trường học hạnh phúc…

1.10. Xây dựng trường học thân thiện, có nề nếp - kĩ cương- đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tốt phẩm chất và năng lực. Thực hiện nghiêm chủ trương “Dạy thật - Học thật - Chất lượng thật”, nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục tại đơn vị.

**2. Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể**

**2.1. Mục tiêu cụ thể**

- Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì chất lượng giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác huy động học sinh đến trường, duy trì sĩ số học sinh, thực hiện phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và chống mù chữ.

- Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống. Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục nhằm đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học.

- Tiếp tục thực hiện “Nói không với văn mẫu”. Dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà, đặc biệt chất lượng học sinh lớp 1.

- Tổ chức dạy học Tiếng Anh thời lượng 2 tiết/tuần cho học sinh lớp 1, 2 và khối lớp 3,4,5 do trường đang xây dựng, thiếu phòng học. Sau khi xây dựng xong Trường sẽ tổ chức sắp xếp tăng tiết 4 tiết/tuần cho học sinh khối lớp 3, 4, 5 theo quy định. Tổ chức dạy tin học theo chương trình của Bộ GDĐT cho học sinh lớp 3, 4, 5 và công nghệ đối với khối lớp 3, 4.

- Tăng cường các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo và giáo dục truyền thống qua các di tích lịch sử địa phương. Tổ chức rèn kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục truyền thông bên ngoài nhà trường ít nhất 02 lần/học sinh/năm học.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục về thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và chuẩn bị cho GV lớp 5. Bồi dưỡng năng lực tin học và ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên. Tạo điều thuận lợi để giáo viên học tập nâng cao trình độ sư phạm.

- Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và
phương pháp, hình thức đánh giá học sinh tiểu học. Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học theo hướng phát huy
tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên
môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu
học. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đẩy mạnh công tác truyền thông.

- Tổ chức hiệu quả dạy học STEM, tích hợp giáo duc nội dung giáo dục địa phương, ATGT, kỹ năng sống xanh, trường học Xanh - Sạch – Khỏe,… đảm bảo các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục và duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

**2.2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Huy động và duy trì HS ra lớp đạt 100%.

- Không có HS bỏ học.

- HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,6% trở lên.

- Hiệu quả đào tạo đạt từ 97% trở lên.

- Duy trì PCGD Tiểu học mức độ 3.

***2.2.1. Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực HS***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Phẩm chất và năng lực** | **TSHS** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Phẩm chất | Yêu nước | 99 | 90 | 90.91 | 9 | 9.09 | 0 | 0 |
| Nhân ái | 99 | 91 | 91.92 | 8 | 8.08 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 99 | 92 | 92.93 | 7 | 7.07 | 0 | 0 |
| Trung thực | 99 | 91 | 91.92 | 8 | 8.08 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 99 | 89 | 89.90 | 10 | 10.10 | 0 | 0 |
| Năng lực chung | Tự chủ và tự học | 99 | 89 | 89.90 | 10 | 10.10 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 99 | 93 | 93.94 | 6 | 6.06 | 0 | 0 |
| GQVĐ và sáng tạo  | 99 | 87 | 87.88 | 12 | 12.12 | 0 | 0 |
| Năng lực đặc thù | Ngôn ngữ | 99 | 85 | 85.86 | 14 | 14.14 | 0 | 0 |
| Tính toán | 99 | 87 | 87.88 | 10 | 10.10 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 99 | 86 | 86.87 | 13 | 13.13 | 0 | 0 |
| Khoa học | 99 | 89 | 89.90 | 10 | 10.10 | 0 | 0 |
| Thể chất | 99 | 90 | 90.91 | 9 | 9.09 | 0 | 0 |
| 2 | Phẩm chất | Yêu nước | 107 | 93 | 86.92 | 14 | 13.08 | 0 | 0 |
| Nhân ái | 107 | 91 | 85.05 | 16 | 14.95 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 107 | 95 | 88.79 | 12 | 11.21 | 0 | 0 |
| Trung thực | 107 | 94 | 87.85 | 13 | 12.15 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 107 | 89 | 83.18 | 18 | 16.82 | 0 | 0 |
| Năng lực chung | Tự chủ và tự học | 107 | 86 | 80.37 | 21 | 19.63 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 107 | 88 | 82.24 | 19 | 17.76 | 0 | 0 |
| GQVĐ và sáng tạo  | 107 | 85 | 79.44 | 22 | 20.56 | 0 | 0 |
| Năng lực đặc thù | Ngôn ngữ | 107 | 86 | 80.37 | 21 | 19.63 | 0 | 0 |
| Tính toán | 107 | 88 | 82.24 | 19 | 17.76 | 0 | 0 |
| Khoa học | 107 | 89 | 83.18 | 18 | 16.82 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 107 | 87 | 81.31 | 20 | 18.69 | 0 | 0 |
| Thể chất | 107 | 90 | 84.11 | 17 | 15.89 | 0 | 0 |
| 3 | Phẩm chất | Yêu nước | 85 | 76 | 89.41 | 9 | 10.59 | 0 | 0 |
| Nhân ái | 85 | 70 | 82.35 | 15 | 17.65 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 85 | 75 | 88.24 | 10 | 11.76 | 0 | 0 |
| Trung thực | 85 | 73 | 85.88 | 12 | 14.12 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 85 | 74 | 87.06 | 11 | 12.94 | 0 | 0 |
| Năng lực chung | Tự chủ và tự học | 85 | 73 | 85.88 | 12 | 14.12 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 85 | 71 | 83.53 | 14 | 16.47 | 0 | 0 |
| GQVĐ đề và sáng tạo  | 85 | 70 | 82.35 | 15 | 17.65 | 0 | 0 |
| Năng lực đặc thù | Ngôn ngữ | 85 | 68 | 80.00 | 17 | 20.00 | 0 | 0 |
| Tính toán | 85 | 70 | 82.35 | 15 | 17.65 | 0 | 0 |
| Khoa học | 85 | 69 | 81.18 | 16 | 18.82 | 0 | 0 |
| Công nghệ | 85 | 70 | 82.35 | 15 | 17.65 | 0 | 0 |
| Tin học | 85 | 75 | 88.24 | 10 | 11.76 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 85 | 74 | 87.06 | 11 | 12.94 | 0 | 0 |
| Thể chất | 85 | 77 | 90.59 | 8 | 9.41 | 0 | 0 |
| 4 | Phẩm chất | Yêu nước | 100 | 81 | 81.00 | 19 | 19.00 | 0 | 0 |
| Nhân ái | 100 | 79 | 79.00 | 21 | 21.00 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ | 100 | 82 | 82.00 | 18 | 18.00 | 0 | 0 |
| Trung thực | 100 | 80 | 80.00 | 20 | 20.00 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm | 100 | 79 | 79.00 | 21 | 21.00 | 0 | 0 |
| Năng lực chung | Tự chủ và tự học | 100 | 75 | 75.00 | 25 | 25.00 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 100 | 72 | 72.00 | 28 | 28.00 | 0 | 0 |
| GQVĐ đề và sáng tạo  | 100 | 71 | 71.00 | 29 | 29.00 | 0 | 0 |
| Năng lực đặc thù | Ngôn ngữ | 100 | 74 | 74.00 | 26 | 26.00 | 0 | 0 |
| Tính toán | 100 | 76 | 76.00 | 24 | 24.00 | 0 | 0 |
| Khoa học | 100 | 75 | 75.00 | 25 | 25.00 | 0 | 0 |
| Công nghệ | 100 | 73 | 73.00 | 27 | 27.00 | 0 | 0 |
| Tin học | 100 | 77 | 77.00 | 23 | 23.00 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 100 | 74 | 74.00 | 26 | 26.00 | 0 | 0 |
| Thể chất | 100 | 79 | 79.00 | 21 | 21.00 | 0 | 0 |
| 5 | Năng lực | Tự phục vụ, tự quản | 91 | 78 | 85.71 | 13 | 14.29 | 0 | 0 |
| Hợp tác | 91 | 79 | 86.81 | 12 | 13.19 | 0 | 0 |
| Tự học và GQVĐ | 91 | 75 | 82.42 | 16 | 17.58 | 0 | 0 |
| Phẩm chất | Chăm học, Chăm làm | 91 | 82 | 90.11 | 9 | 9.89 | 0 | 0 |
| Tự tin, trách nhiệm | 91 | 80 | 87.91 | 11 | 12.09 | 0 | 0 |
| Trung thực, kỉ luật | 91 | 79 | 86.81 | 12 | 13.19 | 0 | 0 |
| Đoàn kết, yêu thương | 91 | 83 | 91.21 | 8 | 8.79 | 0 | 0 |

***2.2.2. Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục***

**+ Khối 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 1** |
| **HT tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa HT** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 99 | 56 | 56.57 | 43 | 43.43 |   |   |
| 2 | Toán | 99 | 58 | 58.59 | 41 | 41.41 |   |   |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | 99 | 53 | 53.54 | 46 | 46.46 |   |   |
| 4 | Đạo đức | 99 | 59 | 59.60 | 40 | 40.40 |   |   |
| 5 | TN và XH | 99 | 57 | 57.58 | 42 | 42.42 |   |   |
| 6 | GD thể chất | 99 | 60 | 60.61 | 39 | 39.39 |   |   |
| 7 | Âm nhạc | 99 | 63 | 63.64 | 36 | 36.36 |   |   |
| 8 | Mĩ thuật | 99 | 51 | 51.52 | 48 | 48.48 |   |   |
| 9 | HĐTN | 99 | 57 | 57.58 | 42 | 42.42 |   |   |

**+ Khối 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **khối 2** |
| **HT tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa HT** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 107 | 66 | 61.68 | 41 | 38.32 |   |   |
| 2 | Toán | 107 | 70 | 65.42 | 37 | 34.58 |   |   |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | 107 | 65 | 60.75 | 42 | 39.25 |   |   |
| 4 | Đạo đức | 107 | 71 | 66.36 | 36 | 33.64 |   |   |
| 5 | TN và XH | 107 | 68 | 63.55 | 39 | 36.45 |   |   |
| 6 | GD thể chất | 107 | 71 | 66.36 | 36 | 33.64 |   |   |
| 7 | Âm nhạc | 107 | 72 | 67.29 | 35 | 32.71 |   |   |
| 8 | Mĩ thuật | 107 | 63 | 58.88 | 44 | 41.12 |   |   |
| 9 | HĐTN | 107 | 67 | 62.62 | 40 | 37.38 |   |   |

**+ Khối 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 3** |
| **HT tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa HT** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 85 | 47 | 55.29 | 38 | 44.71 |   |   |
| 2 | Toán | 85 | 49 | 57.65 | 36 | 42.35 |   |   |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | 85 | 45 | 52.94 | 40 | 47.06 |   |   |
| 4 | Đạo đức | 85 | 49 | 57.65 | 36 | 42.35 |   |   |
| 5 | TN và XH | 85 | 48 | 56.47 | 37 | 43.53 |   |   |
| 6 | GD thể chất | 85 | 50 | 58.82 | 35 | 41.18 |   |   |
| 7 | Âm nhạc | 85 | 51 | 60.00 | 34 | 40.00 |   |   |
| 8 | Mĩ thuật | 85 | 43 | 50.59 | 42 | 49.41 |   |   |
| 9 | HĐTN | 85 | 45 | 52.94 | 40 | 47.06 |   |   |
| 10 | Tin học | 85 | 52 | 61.18 | 33 | 38.82 |   |   |
| 11 | Công nghệ | 85 | 47 | 55.29 | 38 | 44.71 |   |   |

**+ Khối 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 4** |
| **HT tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa HT** |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 100 | 61 | 61 | 39 | 39 |   |   |
| 2 | Toán | 100 | 63 | 63 | 37 | 37 |   |   |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | 100 | 59 | 59 | 41 | 41 |   |   |
| 4 | Đạo đức | 100 | 70 | 70 | 30 | 30 |   |   |
| 5 | Khoa học | 100 | 68 | 68 | 32 | 32 |   |   |
| 6 | Lịch sử và địa lí | 100 | 65 | 65 | 35 | 35 |   |   |
| 7 | GD thể chất | 100 | 72 | 72 | 28 | 28 |   |   |
| 8 | Âm nhạc | 100 | 70 | 70 | 30 | 30 |   |   |
| 9 | Mĩ thuật | 100 | 60 | 60 | 40 | 40 |   |   |
| 10 | HĐTN | 100 | 59 | 59 | 41 | 41 |   |   |
| 11 | Tin học | 100 | 65 | 65 | 35 | 35 |   |   |
| 12 | Công nghệ | 100 | 60 | 60 | 40 | 40 |   |   |

**+ Khối 5**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **TSHS** | **Khối 5** |
| **HT tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa HT** |
| SL | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 1 | Tiếng Việt | 91 |  66 | 72.53 | 25 | 27.47 |  |  |
| 2 | Toán | 91 |  72 | 79.12 | 19 | 20.88 |  |  |
| 3 | Khoa học | 91 |  64 | 70.33 | 27 | 29.67 |  |  |
| 4 | Lịch sử - Địa lí | 91 |  67 | 73.63 | 24 | 26.37 |  |  |
| 5 | Đạo đức | 91 |  68 | 74.73 | 23 | 25.27 |  |  |
| 6 | Kĩ thuật | 91 |  70 | 76.92 | 21 | 23.08 |  |  |
| 7 | Mĩ thuật | 91 |  72 | 79.12 | 19 | 20.88 |  |  |
| 8 | Âm nhạc | 91 |  75 | 82.42 | 16 | 17.58 |  |  |
| 9 | Thể dục | 91 |  76 | 83.52 | 15 | 16.48 |  |  |
| 10 | Ngoại ngữ | 91 |  71 | 78.02 | 20 | 21.98 |  |  |
| 11 | Tin học | 91 |  65 | 71.43 | 26 | 28.57 |  |  |

***2.2.3. Chỉ tiêu về kết quả giáo dục***

+ Khối 1, khối 2, khối 3 và khối 4

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối/****Lớp** | **TSHS** | **Kết quả giáo dục khối 1, khối 2, khối 3 và khối 4** |
| **HT xuất sắc** | **HT tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa HT** |
| SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| 1 | Một | 99 | 43 | 43.43 | 34 | 34.34 | 22 | 22.22 |  |  |
| 2 | Hai | 107 | 51 | 47.66 | 34 | 31.78 | 22 | 20.56 |  |  |
| 3 | Ba | 85 | 43 | 50.59 | 30 | 35.29 | 12 | 14.12 |  |  |
| 4 | Bốn | 100 | 61 | 61.00 | 25 | 25.00 | 14 | 14.00 |  |  |
| **Tổng** | **391** | **198** | **50.64** | **123** | 31.46 | **70** | 17.90 |  |  |

+ Khối 5

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối/****Lớp** | **TSHS** | **Kết quả giáo dục khối 5** |
| **HT tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa HT** |
| SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| 1 | Năm | 91 | 67 | 73.63 | 24 | 26.37 |  |  |
| **Tổng** | **91** | **67** | 73.63 | **24** | 26.37 |  |  |

***2.2.4. Công tác hoạt động phòng trào nhà trường***

**- Chỉ tiêu về các phong trào hội thi:**

Tổ chức và tham gia đầy đủ các phong trào hội thi các cấp đạt hiệu quả, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hội thi** | **Giải Nhất** | **Giải Nhì** | **Giải Ba** | **Giải KK** |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Hùng biện tiếng Anh | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Giao lưu học sinh TH | 1 |  | 1 |  | 2 |  |  |  |
| 3 | Sáng tạo TTNNĐ |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| 4 | Thể thao |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| 5 | Vẽ tranh | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| 6 | An toàn giao thông |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| 7 | Hội thi trên online |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| 8 | Tin học trẻ |  |  | 1 |  | 2 |  | 2 |  |
| 9 | Văn nghệ thiếu nhi | 1 |  | 1 |  | 1 |  |  |  |
| 10 | Hội thi lồng đèn |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| 11 | Tổng phụ trách Đội giỏi | 1 |  |  |  |  |  |  |  |

**- Chỉ tiêu về đội ngũ:**

+ 100% cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được phân loại, đánh giá công chức, viên chức từ mức hoàn thành trở lên, không có cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có 60% được đánh giá mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ 100% cán bộ quản lí, giáo viên có trình độ đạt chuẩn.

+ 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn theo Luật Giáo dục được áp dụng từ ngày 01/7/2020, trong đó 90% giáo viên có chứng chỉ tin học.

+ 100% giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ.

+ 100% cán bộ quản lí, nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, trong đó có 80% đạt từ khá trở lên.

+ 100% giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*\* Danh hiệu thi đua:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Danh hiệu** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| Lao động tiên tiến | 27 |  |
| Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở | 4 |  |
| Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh | 1 |  |
| Bằng khen của tỉnh | 2 |  |

*\* Đánh giá, phân loại viên chức*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại CB-GV** | **Xuất sắc** | **Tốt** | **HT** | **Không HT** |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 3,7 | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | P. Hiệu trưởng |  |  | 1 | 3,7 |  |  |  |  |
| 3 | Giáo viên | 5 | 18,51 | 17 | 62,96 |  |  |  |  |
| 4 | Nhân viên | 1 | 3,7 | 3 | 11,11 |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **7** | **25** | **21** | **75** |  |  |  |  |

***Ngoài ra :***

+ Duy trì đạt chuẩn Phổ cập GDTH-ĐĐT mức độ 3.

+ Duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ.

+ Vận động đạt 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.

+ Có tin bài được đăng trên website của Sở GD, Phòng GD: 05 bài.

**- Chỉ tiêu về các tổ chức trong nhà trường:**

+ Chi bộ Đảng: Hoàn thành tốt.

+ Công Đoàn: Hoàn thành tốt.

+ Chi Đoàn: Hoàn thành tốt.

+ Liên Đội: xếp loại Mạnh.

- **Công tác huy động và duy trì học sinh:**

+ Tỷ lệ huy động HS lớp 1 đạt 100%.

+ Tỷ lệ huy động HS toàn cấp đạt 100%.

- **Chất lượng giáo dục:**

+ Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%.

+ Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình cấp học đạt 99,5%.

+ Kết quả giáo dục cuối năm khối lớp 1, 2, 3, 4: Hoàn thành xuất sắc: 50,64% ; Hoàn thành tốt: 31,46%; Hoàn thành: 17,9%; Chưa hoàn thành: 00%.

+ Kết quả giáo dục cuối năm khối lớp 5: Hoàn thành tốt: 73,63%; Hoàn thành: 26,37%; Chưa hoàn thành: 00%.

+ Nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (giáo dục truyền thống, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống,...) cho học sinh: ít nhất 6 lần/năm học.

+ Tham gia đầy đủ các kỳ thi, phong trào hội thi bắt buộc do ngành tổ chức hoặc phối hợp tổ chức: có HS đạt giải I.

- **Công tác Đảng, đoàn thể; Đơn vị văn hóa; Đơn vị an toàn về ANTT:**

+ Chi bộ xếp loại cuối năm 2023 đạt: Chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Công đoàn xếp loại năm học 2023 – 2024: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Chi đoàn xếp loại cuối năm 2023 đạt: Chi đoàn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Liên Đội trường đạt “Vững mạnh” trở lên.

+ Trường đạt danh hiệu “Đơn vị văn hóa”.

+ Trường đạt “Đơn vị an toàn về an ninh, trật tự”.

+ Thực hiện chỉ thị 05/CT-TW theo đánh giá xếp loại của Phòng: đạt Tốt.

- **Tham gia bảo hiểm y tế:**

+ Tỷ lệ HS có thẻ BHYT: đạt 100%.

+ Tỉ lệ học sinh có Thẻ BHYT so với năm học trước: ≥ năm học trước.

**- Công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:** Duy trì kết quả đạt chuẩn PCGDTH.

- **Quản lý thiết bị, thư viện; Ứng dụng CNTT; CCHC:**

+ Quản lý, sử dụng thiết bị dạy học theo đánh giá của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

+ Quản lý, sử dụng thư viện theo đánh giá của Phòng GDĐT.

+ Quản lý, sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện công tác cải cách hành chính trong quản lý, dạy học theo đánh giá của Phòng GDĐT.

- **Chấp hành pháp luật; quy định của ngành:**

+ Không có CB, GV, NLĐ bị xử phạt vi phạm pháp luật, vi phạm hành chính bị cơ quan chức năng gửi thông báo về đơn vị.

+ Không có CB, GV, NLĐ bị xử lý kỷ luật từ “Cảnh cáo” trở lên về công chức, viên chức và đảng viên.

+ Không xảy ra các vụ việc phức tạp xảy ra tại đơn vị; không có tai nạn thương tích xảy ra với HS; không mất đoàn kết nội bộ; Thực hiện phân công, phân nhiệm không đúng quy định, phù hợp thực tế; Không phát sinh thưa kiện, khiếu nại, tố cáo kéo dài.

+ Không có giáo viên, nhân viên nhà trường vi phạm về dạy thêm, học thêm.

+ Không làm lộ, lọt bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

+ Không xảy ra bạo lực học đường.

+ Tổ chức triển khai đầy đủ nội dung văn bản của Phòng GDĐT; Báo cáo đúng thời gian quy định và số liệu phải chính xác.

- **Công tác tài chính:**

+ Không xảy ra sai phạm về lĩnh vực tài chính, tài sản qua đánh giá và kết luận của cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra.

+ Không xảy ra tình trạng lạm thu theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

- **Thi đua, khen thưởng:**

+Thực hiện hồ sơ đăng ký thi đua, xét thi đua và đề nghị khen thưởng: Đúng quy định.

+ Thực hiện hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của Phòng: Đúng quy định.

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC**

#  - Lớp 1, 2, 3, 4 thực hiện theo thông tư 32/2018TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018.

 - Lớp 5 thực hiện theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn; căn cứ vào thực tiễn và đề nghị của các tổ chuyên môn, nhà trường ban hành Kế hoạch dạy học các môn học, cụ thể từng khối lớp như sau:

- Khối lớp 1: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm và Tiếng Anh tự chọn.

- Khối lớp 2: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm và Tiếng Anh tự chọn.

- Khối lớp 3: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm , Công nghệ, Tin học và Tiếng Anh.

- Khối lớp 4: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Lịch sử và Địa lí; Giáo dục thể chất, Khoa học, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm, Tin học, Công nghệ và Tiếng Anh,.

- Khối lớp 5: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Lịch sử và Địa lí; Khoa học, Tiếng Anh, Tin học, GDTC, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kĩ thuật.

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

Xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, Kế hoạch dạy học và giáo dục cá nhân, Kế hoạch bài dạy theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch nhà trường cấp Tiểu học và công văn số 1023/SGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

*(Có Phụ lục 1.1 kèm theo)*

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

*2.1.* *Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học*

*(Có phụ lục 1.2 kèm theo)*

*2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường*

*(Có phụ lục 1.3 kèm theo)*

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

**\* Đối với lớp học 2 buổi/ngày:**

Tiếp tục thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo Hướng dẫn số 1012/HD-PGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Phòng GDĐT huyện Tân Hồng về Hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú cấp tiểu học kể từ năm học 2019 – 2020 và Công văn số 03/SGDĐT-TTr, ngày 06 tháng 01 na8m 2923 của Sở GDĐT,

Thời lượng: 7 tiết/ ngày (sáng: 04 tiết; chiều: 03 tiết), mỗi tiết 35-40 phút; tổ chức dạy 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần (Tăng cường 01 tiết/ ngày do yêu cầu của phụ huynh, thu theo hình thức thỏa thuận).

Nội dung dạy học ở buổi thứ hai định hướng như sau:

- Hướng dẫn thực hành kiến thức đã học và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh bằng các hoạt động thực tế.

- Giúp đỡ học sinh còn khó khăn trong học tập hoàn thành yêu cầu học tập hoặc bồi dưỡng học sinh có năng lực về môn Toán, môn Tiếng Việt; hoạt động các câu lạc bộ.

Khung thời gian lớp học 2 buổi/ngày cụ thể như sau:

| **BUỔI** | **TIẾT** | **THỜI GIAN** |
| --- | --- | --- |
| **SÁNG** | Ổn định | 07:10 - 07:20 |
| 1 | 07:20 - 07:55 |
| 2 | 07:55 - 08:35 |
| 3 | 08:35 - 09:15 |
| Ra chơi 30p |
| 4 | 09:45 - 10:20 |
| 5 (thỏa thuận) | 10:20 - 11:00 |
|  |  |  |
| **CHIỀU** | 1 | 14:00 - 14:40 |
| 2 | 14:40 - 15:20 |
| Ra chơi 30p |
| 3 | 15:50 - 16:30 |

Căn cứ Hướng dẫn số 1234/HD-PGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Hồng về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2023 -2024 đối với các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, TH-THCS và THCS;

Căn cứ Hướng dẫn số 1254/HD-PGDĐT, ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Hồng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023 – 2024; cụ thể như sau:

**\* Ngày tựu trường và khai giảng năm học:**

- Học sinh lớp 1 tựu trường ngày 21 tháng 8 năm 2023 *(thứ hai*).

- Học sinh các lớp còn lại tựu trường ngày 28 tháng 8 năm 2023 *(Thứ năm)*.

- Tuần lễ sinh hoạt học đường từ ngày **29/8/2023 - 31/8/2023.**

- Khai giảng năm học vào lúc: 07giờ 30 phút ngày thứ Hai, 05 tháng 9 năm 2023.

**\* Ngày bắt đầu và ngày kết thúc học kỳ trong năm học**

**- Học kỳ I:** Bắt đầu từ ngày 05/9/2023 đến trước ngày 14/01/2024: Có 18 tuần thực học, kiểm tra định kì và các hoạt động giáo dục khác. Nghỉ Lễ Quốc khánh nước CHXHCNVN: ngày 01 - 04/9/2023, Nghỉ tết Dương lịch: 01/01/2024 (01 ngày).

**- Học kỳ II:** Bắt đầu từ ngày 15/01/2024 đến ngày đến trước ngày 24/5/2024. Có 17 tuần thực học, kiểm tra định kì cuối năm học và các hoạt động giáo dục khác.

**-** Ngày kết thúc năm học 2023 - 2024: trước ngày 31/5/2024.

**\* Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ**

- Kiểm tra cuối học kỳ I: Thời gian kiểm tra từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 01 năm 2024.

- Kiểm tra học kỳ II: Thời gian kiểm tra từ ngày 21 đến ngày 24 tháng 5 năm 2024.

**\* Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học:** trước ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**\* Các ngày nghỉ trong năm:**

Các ngày nghỉ lễ, tết được thực hiện theo quy định của Luật Lao động và các quy định tại các văn bản dưới Luật. Nếu ngày nghỉ lễ, tết trùng vào ngày nghỉ cuối tuần thì được nghỉ bù theo quy định:

- Nghỉ tết Nguyên đán (dự kiến) từ ngày 07/02/2024 (nhằm ngày 28 tháng Chạp ÂL) đến ngày 15/02/2024 (nhằm ngày mùng 06 tháng Giêng ÂL).

- Nghỉ Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương: 18/4/2024 (nhằm ngày mùng 10/3 ÂL) (01 ngày).

- Nghỉ Lễ Ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước: 30/4/2024 (01 ngày) và Nghỉ Ngày Quốc tế Lao động: 01/5/2024 (01 ngày).

Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép năm của giáo viên là 02 tháng, có thể được bố trí xen kẽ vào thời gian khác trong năm để phù hợp với đặc điểm cụ thể và kế hoạch thời gian năm học của địa phương

**\* Sinh hoạt chuyên môn**: Thực hiện Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm học 2020 - 2021:

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp tổ: thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học (2 tuần/lần).

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp trường: ít nhất 1 lần/tháng.

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp cụm trường: ít nhất 1 lần/học kì.

Tại trường Tiểu học Nguyễn Huệ thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:

***3.1. Đối với khối lớp 1***

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Tham khảo Phụ lục 1.4 – Khối 1 (đính kèm).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1.

Tham khảo Phụ lục 2 - Khối 1 (đính kèm), tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 1.

***3.2. Đối với khối lớp 2***

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Tham khảo Phụ lục 1.4 – Khối 2 (đính kèm).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2.

Tham khảo Phụ lục 2 - Khối 2 (đính kèm), tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 2.

***3.3. Đối với khối lớp 3***

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Tham khảo Phụ lục 1.4 – Khối 3 (đính kèm).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3

Tham khảo Phụ lục 2 - Khối 3 (đính kèm), tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 3.

***3.4. Đối với khối lớp 4***

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Tham khảo Phụ lục 1.4 – Khối 4 (đính kèm).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4

Tham khảo Phụ lục 2 - Khối 4 (đính kèm), tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 4.

***3.5. Đối với khối lớp 5***

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Tham khảo Phụ lục 1.4 – Khối 5 (đính kèm).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5

Tham khảo Phụ lục 2 - Khối 5 (đính kèm), tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 5.

**V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

***1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học***

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho HS, GV, CBQL, nhân viên (NV); chủ động các phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lí HS đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương, nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống cho HS; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

***2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục***

a. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học.

b. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ, Sở GDĐT ban hành *(Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/ 2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 296/SGDĐT-GDTH ngày 18/3/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 648/SGDĐT-GDTH ngày 09/6/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn kể từ năm học 2020 – 2021)*

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5. Giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn và giáo viên lớp 5 xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS để chủ động tiếp cận với CTGDPT 2018. Trong đó tập trung xây dựng kế hoạch phù hợp, bồi dưỡng cho GV tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS và không kiểm tra định kì vào nội dung kiến thức bổ sung chuẩn bị cho HS học lớp 6 theo CTGDPT 2018.

c. Tổ chức thực hiện dạy và học

*\* Tổ chức dạy học 1 buổi/ngày (Khối lớp 2,3,45)*

Kế hoạch dạy học và giáo dục đối với lớp 1 buổi/ngày: thời lượng tối đa là 5 tiết/buổi, tối thiểu là 5 buổi/tuần. Nội dung giáo dục ngoài giờ lên lớp được thực hiện tích hợp vào các môn học, các hoạt động giáo dục theo hướng dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường (truyền thống văn hoá, nghề nghiệp địa phương; năng lực giáo viên và thiết bị dạy học của nhà trường).

*\* Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (Khối lớp 1)*

- Tiếp tục thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo Hướng dẫn số 1012/HD-PGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Phòng GDĐT huyện Tân Hồng về Hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú cấp tiểu học kể từ năm học 2019 – 2020 và Công văn số 03/SGDĐT-TTr, ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Sở GDĐT, về việc hướng dẫn thực hiện dạy học 2 buổi/ngày và dạy thêm, học thêm trong nhà trường,.

- Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí 08 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 09 buổi/tuần với 37 tiết/tuần vì trường thực hiện tiếng Anh tăng cường nhà trưởng đã sắp xếp hợp lí, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS tiểu học, không quá sức HS.

- Về kế hoạch giáo dục: kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lí giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của CT; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lí giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lí về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi HS tiểu học; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 02 buổi/ngày; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác phù hợp với lứa tuổi HS tiểu học.

- Tổ chức các hoạt động cho HS sau giờ học chính thức trong ngàylà hoạt động theo nhu cầu, sở thích của HS trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được CMHS đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của HS, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng CSVC của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, ,…) tạo điều kiện để HS vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày; việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày bảo đảm an toàn, hiệu quả, theo đúng mục tiêu đã đề ra dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộđược thực hiện trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của HS, CMHS và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp: triển khai dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở tiểu học linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng HS, địa phương và nhà trường. Chủ động thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), dạy học phù hợp điều kiện thực tế để hỗ trợ quá trình giáo dục và đảm bảo thực hiện đúng, có chất lượng, hiệu quả, nội dung dạy học theo quy định; phù hợp với kĩ năng của GV, khả năng lĩnh hội và đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của HS; khi thực hiện phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về CSVC, hạ tầng CNTT, hệ thống phần mềm, học liệu dạy học trực tuyến và hướng dẫn sử dụng cho GV và HS theo quy định.

Thực hiện mô hình thư viện thân thiện trường tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Không áp đặt máy móc, vận dụng triển khai một cách linh hoạt và hiệu quả theo các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở, Phòng GDĐT nhằm tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.

e. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung GDĐP theo hướng dẫn của Bộ GDĐT *(Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019, trong đó, thực hiện tích hợp nội dung GDĐP vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của CTGDPT 2018; Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung GDĐP cấp tiểu học).*

Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. Khi xây dựng kế hoạch, cần chú ý lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào CT các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ phát triển nhận thức của HS theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho HS khi thực hiện.

g. Thực hiện nghiêm túc các quy định chỉ đạo của Bộ GDĐT về chấn chỉnh tình trạng dạy học trước CT lớp 1**:** tình trạng dạy thêm, học thêm đối với giáo dục tiểu học; khắc phục tình trạng chạy trường, chạy lớp. Tinh giản các cuộc thi dành cho GV và HS.

h. Khuyến khích các giáo viên tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến theo các mô hình giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường một cách phù hợp với thực tế của địa phương.

i. Thực hiện dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Thực hiện mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” tích hợp vào tài liệu GDĐP lớp 4 tập trung xây dựng một số chủ đề nhất định (có thể là 2 hoặc 3 chủ đề) đáp ứng yêu cầu cần đạt của hai mạch kiến thức (gồm *Thiên nhiên và con người địa phương*; *Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương*) theo quy định của CTGDT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4. Tránh dàn trải nhiều chủ đề trong tài liệu GDĐP gây khó khăn cho việc tổ chức dạy học và trong công tác quản lí.

- Việc tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” cần được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” nhằm đảm bảo nguyên tắc xây dựng CT của môn học và được tổ chức đánh giá HS như các mạch nội dung khác trong CTGDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

- Tổ chức giảng dạy nội dung “Địa phương em” của tài liệu GDĐP lớp 4 kết hợp với định hướng tổ chức dạy học trong chủ đề “Địa phương em” của SGK môn Lịch sử và Địa lí 4 theo hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT.

***3.*** ***Đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí; tăng cường tổ chức hội nghị, họp giao ban, tập huấn qua mạng trực tuyến một cách hiệu quả; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh bằng thư điện tử nhằm thu thập và quản lí thông tin kịp thời, thông suốt giữa các cấp quản lí; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, đánh giá học sinh tiểu học; sử dụng sổ điểm điện tử; sử dụng các hệ thống thông tin quản lí, thống kê, báo cáo theo quy định của Bộ GDĐT.

***4. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá học sinh tiểu học***

*4.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; đẩy mạnh giáo dục STEM và STEAM trong giáo dục tiểu học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hằng ngày.

*4.2. Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá học sinh tiểu học*

Đối với học sinh lớp 5 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006, tiếp tục được đánh giá theo qui định tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT về qui định đánh giá học sinh tiểu học (Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, được đánh giá theo qui định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT.

Nguyên tắc đánh giá học sinh: Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lí kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

***Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng HS chưa hoàn thành; bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, phù hợp với từng nhóm đối tượng****, kiên quyết không để HS “chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng, yêu cầu cần đạt mà lên lớp”;* thực hiện khen thưởng HS thực chất, đúng quy định; tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho CMHS và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các GV về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kì cho các môn học theo CTGDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kì đối với môn Tiếng Anh, môn Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT từ năm học 2023 - 2024.

Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập, theo CTGDPT môn Tin học và CTGDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này.

*4.3. Tiếp tục thực hiện “Nói không với văn mẫu”*

Trong quá trình quản lí, chỉ đạo, điều hành, dạy học; cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên cần quan tâm phát huy khả năng sáng tạo của học sinh, không áp đặt rập khuôn. Đối với phân môn Tập làm văn (môn Tiếng Việt), các trường tiểu học tuyệt đối không dạy học sinh theo khuôn mẫu, máy móc dẫn đến các em thiếu tư duy, không rèn được cho các em kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Quan tâm nghiên cứu tìm nguyên nhân của việc dạy văn mẫu và có giải pháp để khắc phục triệt để việc này.

***5. Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018***

***a) Dạy học môn Tiếng Anh***

- Đối với lớp 1 và lớp 2: Triển khai CT môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018 và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh (Công văn số 296/SGDĐT-GDTH ngày 18/3/2020 của Sở GDĐT; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 26/02/2019 của UBND Tỉnh về việc thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2019 – 2025). Khi triển khai thực hiện cần chú ý đến các yếu tố: sự tự nguyện tham gia học của HS, chất lượng đạt chuẩn của đội ngũ tham gia giảng dạy; thực hiện kiểm tra đánh giá theo quy định; đảm bảo tính chất làm quen của CT; tạo hứng thú, sự yêu thích môn học và không gây quá tải cho HS;…

- Đối với khối lớp 3 và lớp 4: Do trường đang xây dựng nên tạm tổ chức phương án tổ chức dạy học 2 tiết/tuần. Trường sẽ tổ chức tăng tiết sau khi xây dựng xong để triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc; đảm bảo tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong CT các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT.

- Đối với HS lớp 5: Tiếp tục triển khai CT Tiếng Anh tự chọn theo CTGDPT 2006 và CT thí điểm tiếng Anh cấp tiểu học theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành CT thí điểm tiếng Anh tiểu học. Tăng cường tổ chức dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho HS lớp 5, khi thực hiện cần có những giải pháp tiếp cận CT môn Tiếng Anh theo CTGDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp để tạo tâm thế sẵn sàng cho HS học lên lớp 6 theo chương trình mới.

Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT, cụ thể: đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 lựa chọn SGK theo danh mục CTGDPT đã được UBND Tỉnh ban hành tại Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 sử dụng tại các CSGD phổ thông trong năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; đối với lớp 5 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27 tháng 6 năm 2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT.

Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kì cần đánh giá đủ cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

Thực hiện xã hội hóa trong dạy học tiếng Anh để tăng cường thời lượng học tiếng Anh; dạy học tiếng Anh tăng cường với người nước ngoài; học tiếng Anh qua môn Toán, môn Khoa học và các hoạt động trải nghiệm; tạo các sân chơi, giao lưu tiếng Anh; phát động phong trào GV các môn học khác cùng tham gia cùng học tiếng Anh với HS theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

***b) Dạy học môn Tin học***

Tiếp tục thực hiện tổ chức dạy học môn Tin học, tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học từ năm học 2019 – 2020 và CTGDPT. Có giải pháp phù hợp để HS lớp 5 được học môn Tin học tự chọn theo CTGDPT 2006, khi thực hiện cần có những giải pháp tiếp cận CT môn Tin học trong CTGDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi, tâm thế sẵn sàng cho HS lên lớp 6 học môn Tin học theo CTGDPT 2018.

Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục môn học và đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GV Tin học; tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học.

Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục tin học, hoạt động giáo dục STEM, STEAM tiếp cận công nghệ số nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù Tin học, Khoa học, Công nghệ cho HS.

***6. Thực hiện giáo dục STEM***

Chủ động phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM/STEAM theo CTGDPT 2018 trong trường phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng đáp ứng của đơn vị trong CTGDPT 2018 theo Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.

***7. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm;******xây dựng, phát triển thư viện trường tiểu học đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh***

Tăng cường thực hiện tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục
ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của
Bộ GDĐT; thực hiện nội dung giáo dục địa phương, tích hợp vào dạy học các
môn học, hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn tại Công văn số 3536/BGDDTGDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ GDĐT. Tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục kĩ năng tài chính cá nhân.

Tổ chức giáo dục học sinh nhận biết công việc, nghề nghiệp, việc làm của
cha mẹ, người thân, các nghề truyền thống ở địa phương và một số nghề nghiệp
cơ bản; giáo dục học sinh hình thành các kĩ năng nhận thức, quản lí, khám phá
bản thân, quản lí tài chính, kĩ năng giao tiếp được hướng dẫn tại Thông tư số
07/2022/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về
qui định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các
cơ sở giáo dục. Khuyến khích các trường tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số
3866/BGDĐT-GDTH ngày 26 tháng 8 năm 2019. Phát huy, nhân rộng những mô hình hay, sáng tạo theo phương châm “Học sinh đất Sen Hồng hướng tới tự tin, tự lực, biết phản biện, gắn kết thực tiễn, định hướng tương lai”, cụ thể: Giáo dục kĩ năng An toàn nơi công cộng; Nói không với bạo lực học đường; Ngày hội khéo tay kĩ thuật; Hoạt động giáo dục gắn liền với thực tế của các trường tiểu học; Tổ chức được nhiều câu lạc bộ trong trường học; Tăng cường nhiều hoạt động trải nghiệm trong nhà trường: Sân khấu hoá trong tiết sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, “Em làm hướng dẫn viên du lịch”; Hội chợ chia sẻ đồ dùng đồ chơi ở trường; Các hoạt động trải nghiệm về công tác hướng nghiệp trong tương lai tại khu vui chơi; Nhà vệ sinh thân thiện; Nhà nông tí hon; Nói không với rác thải nhựa;...

Tăng cường công tác truyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học, thực hiện giảng dạy, giáo dục an toàn giao thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và văn hóa giao thông vào trong chương trình chính khóa dưới hình thức tích hợp vào nội dung một số môn học và hoạt động giáo dục.

Thực hiện tốt công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; dành thời lượng phù hợp cho tiết đọc thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí và tổ chức hoạt động thư viện.

***8. Giáo dục học sinh hòa nhập***

Thực hiện dạy học trẻ khuyết tật học hòa nhập (01 học sinh) theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 về thực hiện Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Công văn số 143/SGDĐT-GDTH ngày 01 tháng 2 năm 2018 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật kể từ năm học 2017-2018; Kế hoạch số 74/KH-SGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 – 2030 và các văn bản có liên quan.

Bảo đảm các điều kiện để 01 học sinh khuyết tật được hòa nhập với bạn bè; tăng cường công tác tuyên truyền đội ngũ giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Tạo điều kiện để giáo viên có học sinh khuyết tật được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn về giảng dạy và giáo dục trẻ khuyết tật. Tham mưu với chính quyền địa phương thẩm định, xác nhận khuyết tật cho học sinh. Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ lang thang cơ nhỡ trong địa bàn (nếu có), nhà trường sẽ phối hợp với các ban ngành đoàn thể ở địa phương hỗ trợ, giúp đỡ để các em được hòa nhập vào môi trường giáo dục. Tuyên truyền, giáo dục học sinh tình yêu thương, chia sẻ, trách nhiệm, không kì thị xa lánh bạn bè. Khuyến khích các lớp xây dựng quỹ vì bạn nghèo (nuôi heo đất), góc chia sẻ yêu thương để sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bạn trong học tập.

***9. Tích hợp nội dung văn hóa nhà trường***

 Thực hiện hiệu quả việc tích hợp văn hóa nhà trường và xây dựng bộ quy tắc ứng xử theo Quyết định 1299/QĐ-TTg 2018 của Thủ tướng Chính phủ ngày 03 tháng 10 năm 2018, Quyết định phê duyệt đề án “xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” và Thông tư số 06/2019/TT - BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục Mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Quyết định số 1631/QĐ-UBND-HC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của UBND Tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên tích hợp vào kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch bài dạy, kế hoạch cá nhân một cách linh hoạt hiệu quả.

***10. Thực hiện hiệu quả việc triển khai, tích hợp các chương trình, dự án đã tập huấn; trường học xanh, an toàn, thông minh, trường học hạnh phúc…***

Tổ chức hiệu quả việc triển khai, tích hợp đầy đủ các nội dung chương trình, dự án đã tập huấn; trường học xanh, an toàn, thông minh, trường học hạnh phúc…

***11. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng học đảm bảo điều kiện dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục trong năm học cụ thể: nâng cấp mặt sân và hệ thống thoát nước sân trường, đề nghị đầu tư cơ sở vật chất xây dựng thư viện tiên tiến.

- Rà soát, sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học từng khối lớp, bổ sung các đầu sách cần thiết cho thư viện, trang bị thêm các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nâng cao tay nghề của GV.

- Trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất, đồ dùng thiết yếu (nước sát khuẩn, xà phòng,…) phục vụ công tác phòng dịch và sơ cấp cứu ban đầu tại đơn vị.

- Phân công các lớp học phụ trách khu vực trồng rau và chăm sóc cây xanh, hoa kiểng, mảng xanh thân thiện.

- Nhà trường tranh thủ tối đa các nguồn đóng góp, ủng hộ tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường.

***12. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp,…)***

- Đảm bảo đội ngũ GV, NV đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đáp ứng các vị trí việc làm trong đơn vị.

- Phân công nhiệm vụ phù hợp tâm tư nguyện vọng, tay nghề của từng GV, chú trọng lựa chọn những giáo viên được tập huấn chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, có năng lực, tay nghề vững vàng phân công dạy lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4

- Tiếp tục bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để GV, NV, CBQL nâng cao trình độ đào tạo, lý luận chính trị, nâng cao chất lượng chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ.

- Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ GV, NV và CBQL đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ.

***13. Thực hiện quy chế, đổi mới công tác sinh hoạt chuyên môn***

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc nền nếp, kỹ cương, quy chế chuyên môn trong đơn vị.

- Đẩy mạnh tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài dạy theo Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 – 2021, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn, kịp thời hỗ trợ và tháo gỡ những khó khăn của GV trong giảng dạy đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT.

- CBQL, GV tích cực tham gia các lớp tập huấn chuyên môn đầy đủ, nghiêm túc, vận dụng những nội dung được tập huấn vào công tác quản lý, giảng dạy đạt hiệu quả. Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đúng quy định, nâng cao được năng lực quản lý, giảng dạy của CBQL và GV.

- Phát huy vai trò chủ động, linh hoạt, sáng tạo của đội ngũ CBQL, GV, NV trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục: EMIS, cơ sở dữ liệu, sổ liên lạc điện tử, họp trực tuyến, tập huấn trực tuyến, dạy học trực tuyến, bài giảng điện tử, kỹ thuật soi bài, nhóm Zalo chung trao đổi công việc,…

- Tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, đảm bảo mọi chế độ chính sách, động viên khen thưởng kịp thời đối với GV, NV và CBQL.

***14. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường và ban nhân dân các khóm***

Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường và ban nhân dân các khóm để thực hiện có hiệu quả công tác huy động HS ra lớp, duy trì sĩ số học sinh. Tổ chức các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

***15. Tổ chức kiểm tra, giám sát***

Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát chặt chẽ các hoạt động theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường, trong đó tập trung vào các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

***16. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục***

Thường xuyên tuyên truyền các chủ trương, chính sách về lĩnh vực giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các bậc cha mẹ học sinh, trong cộng đồng xã hội đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục, đặc biệt việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mà trọng tâm là thực hiện đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và công tác chuẩn bị đối với lớp 5 từ năm học 2024 - 2025.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của trường tại địa phương. Đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện Quy chế dân chủ, phòng chống tham nhũng, lãng phí.…

Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến được từng cán bộ quản lí, giáo viên, các bậc cha mẹ học sinh.

Khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, ngành, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chỉ số PAPI; chuyển đổi số trong giáo dục, thường xuyên đôn đốc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lí thực hiện tốt các vấn đề liên quan đến việc phục vụ học sinh, cha mẹ học sinh.

***17. Thực hiện hiệu quả kiểm định chất lượng và trường đạt chuẩn quốc gia***

Chỉ đạo các bộ phận, các tổ chuyên môn thực hiện theo kế hoạch của hiệu trưởng về việc tự đánh giá, kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2023 - 2025.

Quán triệt đến tất cả cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh của trường về chủ trương xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của huyện cũng như của ngành.

Tham mưu với UBND Thị trấn, thực hiện phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể và địa phương, tạo sự hưởng ứng nhiệt tình của các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường về việc đóng góp xây dựng trường chuẩn quốc gia .

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Đối với Hiệu trưởng**

- Trong “năm học mới 2023 - 2024”, xây dựng một tập thể “đoàn kết, thân thiện, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”; tạo uy tín cho trường; làm cho tất cả cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh thật sự cảm nhận: “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”.

- Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học.

- Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Phân công GV chủ nhiệm lớp, GV phụ trách môn học, các bộ phận có liên quan thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ về chuyên môn và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục của đơn vị; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ trong đơn vị. Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở các tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**2. Đối với Phó Hiệu trưởng**

- Triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường. Xây dựng thời khóa biểu các lớp phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh, dạy học không quá 8 tiết/ngày, 9 buổi /tuần.

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, kèm cặp học sinh còn khó khăn trong học tập, hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập; kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

- Chỉ đạo các tổ khối trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm; kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động đúng theo Điều lệ trường tiểu học và Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 – 2021. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo, thao – hội giảng cấp trường theo quy chế chuyên môn. Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở các tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn**

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của tổ, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của tổ.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo hướng nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp dạy học, lựa chọn nội dung dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Tổ chức các tiết thao giảng, dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy trong tổ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kết quả kèm cặp HS còn khó khăn trong học tập, HS khuyết tật học hòa nhập trong tổ; kịp thời hỗ trợ GV trong công tác bồi dưỡng, kèm cặp và giúp đỡ HS. Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục và các hoạt động của tổ.

- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

**4. Đối với Tổng phụ trách Đội**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng; Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm được phân công phụ trách theo Kế hoạch giáo dục của nhà trường:

+ Trong các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt sao - nhi đồng, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục học sinh về truyền thống yêu nước, tinh thần tương thân tương ái của dân tộc theo chủ đề, chủ điểm như: Quốc khánh 02/9, 15/10, 20/11, 22/12, 3/2, 8/3, 26/3, 30/4, 01/5, 27/7,....;tuyên truyền và tổ chức cho học sinh đăng kí thực hiện cuộc vận động “Thiếu nhi Việt Nam thi đua thực hiện tốt 5 Điều Bác Hồ dạy”.

+ Tổ chức cho học sinh kí cam kết thực hiện các phong trào thi đua của nhà trường như: Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn; An toàn giao thông; Phòng chống thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật; phòng chống cháy nổ; phòng chống tai nạn thương tích trong nhà trường; Phòng chống tệ nạn xã hội;....

+ Truyên truyền phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, phát động phong trào làm nghìn việc tốt dâng tặng thầy cô; thăm gia đình thương binh, gia đình chính sách; thực hiện clip hát Quốc ca “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”.

+ Tổ chức cho học sinh sưu tầm, tham gia kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần. Phối hợp với GV chủ nhiệm, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

- Thành lập các ban của liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

**5. Đối với giáo viên chủ nhiệm**

- Thực hiện tốt công tác giảng dạy và giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch bài dạy; lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh đúng quy chế chuyên môn nhà trường.

- Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn theo quy định. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục lớp mình phụ trách.

- Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, của trường. Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS. Tìm tòi, nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các nội dung chuyên môn được tập huấn, bồi dưỡng vào quá trình dạy học. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và hồ sơ sổ sách cá nhân.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

**6. Giáo viên phụ trách môn học**

- Chấp hành theo sự phân công của Hiệu trưởng. Xây dựng kế hoạch bài dạy của môn học mình phụ trách.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong tổ chức dạy học và đánh giá học sinh.

- Kết hợp với các bộ phận nhà trường tổ chức các hoạt động trong và ngoài nhà trường khi cần.

- Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, của trường. Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS. Tìm tòi, nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các nội dung chuyên môn được tập huấn, bồi dưỡng vào quá trình dạy học. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và hồ sơ sổ sách cá nhân.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề, chủ động đề xuất kịp thời những nội dung liên quan đến tổ chức dạy học môn học mình phụ trách.

**7. Nhân viên**

***7.1. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị***

Nhân viên thư viện:

+ Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện đồng thời góp phần triển khai Kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả.

+ Tổ chức các hoạt động của thư viện theo quy định; Phụ trách chuyên môn về xây dựng thư viên thân thiện theo mô hình Room to Read; tham mưu với PHT để xây dựng các tiết đọc thư viện.

+ Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách môn học triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường có liên quan đến thư viện. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách. Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

+ Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về mua sắm, bổ sung sách báo,... theo đề xuất của giáo viên phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao hơn.

Nhân viên thiết bị:

+ Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động thiết bị, đồng thời góp phần triển khai Kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả

+ Trực tiếp tiếp nhận trang thiết bị, đồ dùng dạy học được cấp theo CTGDPT 2018 và phân bổ về các lớp, về giáo viên phụ trách đúng quy định.

+ Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về mua sắm, bổ sung trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao hơn.

***7.2. Đối với các nhân viên khác***

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực cá nhân phụ trách.

- Phối hợp với GV chủ nhiệm, GV phụ trách môn học, TPT Đội và các lực lượng giáo dục triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tuyên truyền Kế hoạch giáo dục nhà trường đến mọi người.

- Phối hợp với các bộ phận nhà trường tổ chức các hoạt động liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 của trường Tiểu học Nguyễn Huệ. Đề nghị CB-GV-NV có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng theo kế hoạch của nhà trường đã đề ra. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; giáo viên, nhân viên phản hồi kịp thời về Hiệu trưởng để được hướng dẫn thống nhất./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Phòng GD&ĐT (báo cáo); - Đảng ủy, UBND Thị trấn (báo cáo);- Hội đồng trường (báo cáo);- Chi bộ (báo cáo);- CB-GV-NV (thực hiện);- Đăng website trường;               - Lưu: VT, | **HIỆU TRƯỞNG** **Nguyễn Quốc Hiếu** |